

VỀ DANH XƯƠNG VÀ ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TÂY NINH TỪ THẾ KỶ XVII ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XIX

NGUYỄN ĐÌNH CƠ*
LÊ BÁ VƯƠNG**

1. Về thời điểm xuất hiện danh xưng “Tây Ninh”

Tây Ninh trước thế kỷ XVII, phần lớn còn hoang vu, được người Khmer gọi với tên Romdum Ray (រតន្តរី - Chuông Voi). Về thời điểm xuất hiện địa danh Tây Ninh, cho đến nay có một số tài liệu đưa ra mốc khác nhau. Ban tổng kết chiến tranh Tỉnh ủy Tây Ninh trong *Lược sử Tây Ninh* cho rằng: “Địa danh Tây Ninh chính thức có từ năm 1835 với địa vị một phủ” (1). Trong khi đó, nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Tư trong bài “Tây Ninh xưa và nay” khẳng định: “Năm Minh Mạng thứ 18 (1837) do địa bàn đã phát triển, phủ Tây Ninh được thành lập. Địa danh Tây Ninh chính thức được khai sinh” (2). Trong sách *Miền Đông Nam Bộ con người và văn hóa*, tác giả Phan Xuân Biên đưa ra mốc 1836: “Cũng trong 1836, sau khi hoàn tất việc đo đạc ruộng đất lập địa bạ ở Nam Kỳ, phái đoàn Trương Minh Giảng và Trương Đăng Quế... làm sổ tâu về triều đình đề nghị cho lập phủ huyện ở vùng này. Vua Minh Mạng đồng ý đặt phủ Tây Ninh (1 trong 4 phủ thuộc Gia Định) gồm 2 huyện Tân Ninh và Quang Hóa” (3). Sách *Lược sử Tây*

Ninh viết: “Năm Minh Mạng thứ 18 (1838) đổi phủ Gia Định thành tỉnh Gia Định và đặt thêm phủ Tây Ninh. Phủ có 2 huyện Tân Ninh và Quang Hóa” (4). Nhóm tác giả *Tây Ninh 30 năm trung dũng kiên cường* khẳng định: “từ đạo Quang Phong thuộc phủ Gia Định (1698) thành phủ Tây Ninh của tỉnh Gia Định (1838)” (5). Sách *Địa chí Tây Ninh* khi đề cập đến quá trình thành lập tỉnh cũng xác định: “Từ 1832 Tây Ninh thuộc Phiên An tỉnh thành. Năm 1838, Minh Mạng đổi Phiên An tỉnh thành thành tỉnh Gia Định và gọi toàn Gia Định là Nam Kỳ. Tỉnh Gia Định lúc này gồm 3 phủ, 7 huyện. Phủ Tây Ninh có 2 huyện Tân Ninh và Quang Hóa” (6).

Để xác định đúng thời điểm xuất hiện địa danh Tây Ninh cần dựa vào một số nguồn sử liệu đáng tin cậy được viết trong các thế kỷ XVIII - XIX như *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn, *Đại Nam nhất thống chí*, *Đại Nam thực lục* của Quốc sử quán triều Nguyễn.

Chúng tôi cho rằng, đến cuối thế kỷ XVIII, chắc chắn vẫn chưa xuất hiện địa danh Tây Ninh. Đất Tây Ninh khi ấy được

* ThS. Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, Tp. Hồ Chí Minh

** ThS. Trường Đại học Văn hóa, Tp. Hồ Chí Minh

định vị trong vùng địa lý của 2 đạo Quang Hóa và Quang Phong thuộc huyện Phúc Long, dinh Phiên Trấn thuộc lãnh thổ Đàng Trong. Lê Quý Đôn cho biết: “Đến năm 1779, sau khi tu định lại bản đồ chúa Nguyễn mới trả hai đạo Quang Phong, Quang Hóa về cho dinh Phiên Trấn” (7). Quang Phong và Quang Hóa là hai đạo biên giới sát với Cao Miên sau đó được các vị vua đầu triều Nguyễn rất chú ý, thể hiện qua một số biện pháp khuyến khích khẩn hoang, lập thêm các thôn ấp. Sách *Đại Nam thực lục chính biên* ghi lại sự kiện diễn ra vào năm Minh Mệnh thứ 6 (1825) như sau: “Lấy cự Vệ úy vệ Tuyên võ Hậu quân ở thành Gia Định là Lê Văn Thái lĩnh Quản đạo đạo Quang Hóa kiêm hai phủ Thuận Thành và Quang Phong” (8). Năm 1832, khi triều đình Huế lấy phủ Gia Định để lập làm tỉnh Phiên An, vua Minh Mệnh “cho Phó vệ úy, Quản đạo Quang Hóa là Giả Tiến Chiêm do nguyên hàm, trật Tông tam phẩm, sung Phó lãnh binh quan” (9). Theo như biên chế của triều Nguyễn thời điểm này thì Tổng đốc, Tuần phủ, Bố chính, Án sát và Lãnh binh sẽ thay vua Nguyễn quản lý ở các tỉnh. Mỗi tỉnh bố 1 Lãnh binh, dùng quan Tông tam phẩm và 1 phó Lãnh binh cũng Tông tam phẩm. Việc lấy một tướng quản đạo Quang Hóa để bổ nhiệm làm Phó Lãnh binh cho thấy đạo này nằm ở vị trí rất xung yếu. Lời tâu của đình thần với vua Minh Mệnh vào tháng Giêng năm 1834 đã xác nhận điều này: “đường bộ tỉnh Gia Định thông đến Nam Vang, chỗ cầu Tây Hoa, đạo Quang Hóa rất là xung yếu. Xin đắp một thành đất ở đạo Quang Hóa, đặt một đồn ở cầu Tây Hoa phái quân đóng giữ... do tỉnh Gia Định liệu phái binh canh giữ” (10). Năm tháng sau, vua Minh Mệnh đã quyết định cho: “Đắp thành Quang Hóa, đồn Tây Hoa ở tỉnh Gia Định... Vua y cho làm, đặt tên là Tây Hóa

đường tấn là đồn Tây Hóa, Quang Hóa thủ là thành Quang Hóa” (11). Ít nhất đến năm 1835 vẫn chưa xuất hiện tên Tây Ninh trên bản đồ Đại Nam. Quốc sử quán triều cho biết đến năm 1836 triều Nguyễn mới “bắt đầu đặt phủ Tây Ninh thuộc Gia Định, lĩnh hai huyện Tân Ninh và Quang Hóa” (12).

Những mốc thời gian 1835, 1836, 1837, 1838 mà các nhà nghiên cứu đưa ra như đã liệt kê ở trên, theo chúng tôi, có thể xuất phát từ việc tham khảo bản dịch *Đại Nam nhất thống chí* do Nhà xuất bản Nhà văn hóa Bộ Quốc gia giáo dục, Sài Gòn xuất bản năm 1959 trong đó có đoạn ghi: “Phủ Tây Ninh ở phía Tây tỉnh thành (Gia Định) 147 dặm, đông tây cách nhau 130 dặm, nam bắc cách nhau 95 dặm, từ phủ qua phía đông đến giới hạn huyện Bình Long, phủ Tân Bình 66 dặm, phía tây đến Man Cảnh liền theo dưới hạn huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường 37 dặm, phía nam đến giới hạn huyện Bình Dương, huyện Cửu An 77 dặm, phía bắc vượt qua núi Chêng (hay Chiêng) giáp Man Cảnh 18 dặm, nguyên trước là đạo Quang Phong, năm thứ 18 (1838) mới đặt tên lại tên phủ này kiêm lý huyện Tân Ninh, tổng hạt Quang Hóa, lãnh 2 huyện, 7 tổng, 56 xã” (13). Đoạn này nhóm dịch giả đã nhầm lẫn khi cho rằng năm thứ 18 (1838) mới đặt phủ Tây Ninh. Cũng theo bản dịch này, ở một đoạn khác đã xác định: “Năm Minh Mệnh thứ 17 (1836) cải đắp thành hiện kim, đổi danh thành Gia Định tỉnh. Đổi An Biên Tổng đốc làm Định Biên Tổng Đốc, đặt thêm phủ Tây Ninh, lãnh 2 huyện Tân Ninh và Quang Hóa” (14).

Theo chúng tôi, bản dịch *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5 của nhóm dịch giả Phạm Trọng Diễm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính do Nhà xuất bản Thuận Hóa ấn hành năm 2006 và bản dịch sách *Đại Nam thực lục - chính biên*, tập 4 của nhóm dịch giả Nguyễn Ngọc Tỉnh, Đào Duy Anh hiệu

đỉnh, Nhà xuất bản Giáo dục phát hành năm 2007 là chính xác. Hai bộ sách của Quốc sử quán triều Nguyễn này cũng thống nhất về việc xác định thời điểm ra đời địa danh Tây Ninh vào năm 1836. Ở phần chép về tỉnh Gia Định sách *Đại Nam nhất thống chí* cho biết quyết định của vua Nguyễn đặt phủ Tây Ninh như sau: “Nguyên trước là đạo Quang Phong, năm Minh Mệnh thứ 17 (1836) mới đặt tên phủ hiện nay, kiêm lý huyện Tân Ninh và thống hạt huyện Quang Hóa... Huyện Quang Hóa,... hồi đầu bản triều đặt đạo Quang Phong ở địa phận thôn Cẩm Giang, năm Minh Mệnh thứ 5 (1824) đắp bảo gọi là bảo Quang Hóa, năm Minh Mệnh thứ 17 (1836) bỏ đạo, đặt tên huyện hiện nay, thuộc phủ Tây Ninh thống hạt” (15).

Như vậy, qua những tư liệu đáng tin cậy có thể khẳng định vào năm Minh Mệnh thứ 17 (1836) mới xuất hiện địa danh Tây Ninh trên bản đồ của nước Đại Nam. Tây Ninh được dùng để đặt tên cho một phủ trực thuộc tỉnh Gia Định.

Suốt các thế kỷ XVII - XVIII, vùng đất phía Tây tỉnh Gia Định, dọc biên giới Chân Lạp luôn trong tình trạng bất ổn. Dân chúng sinh cư thưa thớt, hơn nữa, các đạo Quang Hóa và Quang Phong vào thập niên 30 của thế kỷ XIX còn là chiến trường của quân Nguyễn với quân khởi nghĩa do Lê Văn Khôi đứng đầu rồi ngay sau đó với quân Xiêm. Quốc sử quán triều Nguyễn ghi lại sự kiện diễn ra vào năm 1834 như sau: “Giặc Xiêm nhiều lần bị thua, đã bỏ Châu Đốc, ngấm trốn, quan quân quân thứ An Giang dương thừa thắng thủy bộ cùng tiến đánh. Chắc rằng Nam Vang và Hà Tiên cũng sẽ lần lượt lấy lại được, còn đạo Quang Hóa, trước đây có chỉ dụ bảo không nên vội đi vào sâu, là vì bấy giờ giặc Xiêm còn ở Châu Đốc cầm cự với quân ta nên

chưa tiện quân cô quân tiến đánh một mình, nay thủy binh ta đã đánh lui được bọn giặc rồi vậy nên... Đốc thúc binh đồng và lính thổ Chân Lạp tiến mau theo quan quân đạo Bình khấu tướng quân hợp sức đánh” (16). Sách *Đại Nam thực lục* còn cho biết quân Nguyễn đã chiến thắng đồn Xí Khê ở Quang Phong. Khoảng hơn 700 quân Xiêm vượt rạch Xí Khê (nay là rạch Tây Ninh) âm mưu tấn công Gia Định, cứu viện cho Lê Văn Khôi. Tuy nhiên đã bị quân nhà Nguyễn đánh tan, buộc lực lượng Xiêm còn lại phải lui vào sâu lãnh thổ Chân Lạp. Khi nghe tin chiến thắng báo “đến kinh đô đã quá nửa đêm, Vua trở dậy, khoác áo ra xem, cả mừng, sau đó liên tiếp thưởng cho những người báo tin, lẫn những người góp công vào thắng lợi” (17). Tên gọi Tây Ninh đã ra đời trong bối cảnh lịch sử đó.

Là phủ nằm ở biên giới với Cao Miên nên Tây Ninh được các vị vua Nguyễn hết sức chú ý. Bởi vậy ngoài việc xây dựng phủ thành, triều đình còn cho xây dựng các bảo (thành làm bằng đất) vừa làm sở lý huyện thành vừa là nơi đóng quân của các lực lượng biên phòng bảo vệ biên giới. Huyện thành Quang Hóa ở địa phận huyện Long Thành ngày nay “Chu vi 147 trượng 7 thước 4 tấc, cao 7 thước hào rộng 1 trượng, sâu 5 thước, có 3 cửa, ở địa phận thôn Long Giang, năm Minh Mệnh thứ 5 (1824) nguyên đắp bảo Quang Hóa ở địa phận thôn Cẩm Giang, năm thứ 17 (1836) cải làm huyện thành. Năm Thiệu Trị thứ 3 (1843) đắp bảo Định Liêu, năm Tự Đức thứ 3 (1850) lại lấy bảo Định Liêu làm huyện thành mà nơi Quang Hóa lại đặt bảo như cũ” (18). Bảo Quang Hóa “Địa phận thôn Cẩm Giang, huyện Quang Hóa, mỗi phía dài 48 trượng 6 thước cao 7 thước, 8 tấc hào rộng 1 trượng 6 thước, mở 3 cửa, đắp năm Minh Mệnh thứ 4 (1824). Minh Mệnh thứ

17 đổi làm huyện thành, năm Tự Đức thứ 3 đổi Bảo định Liêu làm huyện thành, còn huyện thành Quang Hóa đổi làm bảo” (19). Sau khi tách 2 đạo Quang Phong Quang Hóa và đặt phủ Tây Ninh, 2 năm sau (1838), vua Minh Mệnh đã cho xây dựng phủ thành Tây Ninh, trên địa phận thôn Khương Ninh, huyện Tân Ninh (Thị xã Tây Ninh ngày nay). Trong *Đại Nam nhất thống chí* có miêu tả “Tây Ninh Phủ thành chu vi 188 trượng 8 thước 4 tấc, cao 7 thước, hào rộng 4 trượng, sâu 5 thước có 3 cửa, ở địa phận thôn Khương Ninh, huyện Tân Ninh. Năm Minh Mệnh thứ 19 (1838) xây đắp phủ thành” (20). Dựa vào mô tả trên có thể thấy phủ thành Tây Ninh đã được xây dựng rất kiên cố, vị trí nằm ở trung tâm của thị xã Tây Ninh bây giờ. Ngày nay, thành phủ Tây Ninh đã bị thời gian và chiến tranh phá hủy, chỉ còn lại một ít dấu tích thành cũ nằm ở địa điểm thuộc khuôn viên Tỉnh đội Tây Ninh.

Nếu nhìn về tiến trình lịch sử mở cõi phương Nam từ thời chúa Nguyễn, chúng ta thấy việc đặt tên cho những vùng đất mới khai phá, xác lập chủ quyền đã được những người đứng đầu chính quyền dùng những tên rất có chủ đích như: Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Ngãi (Nghĩa), Quảng Đức, Phú Yên, Bình Định, Bình Khang (Bình Hòa sau đó là Khánh Hòa), Bình Thuận, Ninh Thuận, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang, Phiên An (sau đổi lại là Gia Định có phủ Tây Ninh), Biên Hòa. Trong mạch tư duy đó, cái tên Tây Ninh được dùng để đặt tên cho một phủ ở vị trí xung yếu vùng biên cương đã thể hiện rõ ý chí và khát vọng về một cảnh tượng thanh bình, ổn định, quốc thái, dân an của các vị chúa Nguyễn và vua Nguyễn trước đó cũng như vua Minh Mệnh vào thời điểm 1836.

2. Quá trình thay đổi địa giới hành chính Tây Ninh từ thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XIX

Vào thế kỷ XVI - XVII, người Việt, đặc biệt là dân Ngũ Quảng (21) di cư vào Nam. Lưu dân Việt đã tụ cư ở Mô Xoài (Bà Rịa) rồi đến cửa Cần Giờ khai hoang lập ấp. Quốc sử quán triều Nguyễn cho biết: “Mùa Xuân năm Mậu Dần (1698), đời vua Hiến Tông Hiếu Minh Hoàng Đế, chúa Nguyễn Phúc Chu sai Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược vùng đất Đồng Nai. Tại đây ông tiến hành “chia đất Đông Phố, lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phúc Long (nay thăng làm phủ), dựng dinh Trấn Biên (tức Biên Hòa ngày nay), lấy xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình (nay thăng làm phủ), dựng dinh Phiên Trấn (tức dinh Gia Định ngày nay), mỗi dinh đều đặt các chức Lưu thủ, cai bạ, ký lục và các cơ đội thuyền thủy bộ tinh binh và thuộc binh. Mở rộng đất đai được nghìn dặm, được hơn 4 vạn hộ, bèn chiêu mộ những người dân diêu dạt từ Bó Chính trở về Nam cho đến ở cho đông. Thiết lập xã, thôn, phường ấp, chia cắt giới phận, khai khẩn ruộng nương, định lệ thuế tô dung, làm sổ đinh điền” (22). Cuối thế kỷ XVII, người Việt cộng cư với cư dân người Khmer và người Chăm ở đây đã khai phá được một phần vùng đất Tây Ninh (chủ yếu ở Trảng Bàng, Gò Dầu, Bà Đen ngày nay). “Từ Phiên Trấn dinh, người Việt tập trung ở đây đã rất đông đảo rồi đi dần lên hướng bắc qua vùng Hóc Môn, Củ Chi ngày nay đến vùng Trảng Bàng lên Gò Dầu hạ đến tận vùng chân núi Bà Đen” (23). Do sự khác nhau về phong tục, tập quán nên người Khmer dần rút về hướng tây, lùi sâu vào khu vực của Campuchia. Sách *Gia Định thành thông chí* khẳng định: “Tháng 6 mùa Hạ năm thứ 17, Giáp Tuất (1754) (Lê Hiến Tông niên hiệu Cảnh Hưng thứ

15, Đại Thanh Càn Long thứ 19), chia quân Gia Định ra làm hai đạo, Nghi Biểu hầu đem kỳ binh từ sông Bát Đông tiến phát, quân đến đâu địch thua đến đó, rồi đến Tân Lê Bắc ra sông lớn hội cùng chính binh Tiền Giang của Thiện Chính hầu ở đồn Lò Yêm. Bốn phủ Xoài Lạ (Soi Rạp) (những nơi người Bắc Địch sinh sống, chỗ lớn gọi là bộ, nhỏ gọi là lạc, người Xiêm La và Ai Lao thì gọi ruộng), người Cao Miên thì gọi là sóc. Sóc Xoài Lạ (Soi Rạp) ban đầu ở bờ biển, tức nay là cửa Lôi Lạ (Soi Rạp) thuộc trấn Định Tường. Vì lúc ấy Cao Miên nhượng đất cho dân ta rồi cả sóc dời đến xứ Quang Hóa (Trảng Bàng) nay là địa giới trấn Phiên An, tên sóc nay vẫn còn), Tầm Đôn, Cầu Nôm và Nam Vang của Cao Miên đều hàng (sóc lớn cai quản các sóc nhỏ, gọi là phủ và có đặt chức quan An phủ trông coi". Trịnh Hoài Đức còn cho biết: "Lúc ấy địa đầu của Gia Định là Mô Xoài và Đồng Nai (nay là trấn Biên Hòa) tại hai xứ ấy đã có dân của nước ta đến cùng với dân Cao Miên khai khẩn ruộng đất. Người Cao Miên rất khâm phục uy đức của triều đình, họ đem nhượng đất ấy rồi kéo nhau tránh đi nơi khác, chẳng dám tranh chấp điều gì" (24).

Năm 1800, Nguyễn Phúc Ánh đã cho đổi phủ Gia Định làm trấn Gia Định. Ngày 17 tháng 6 mùa Hạ năm Ất Sửu (1805), niên hiệu Gia Long thứ 4, vua sai 5 dinh trấn của Gia Định là Phiên Trấn, Trấn Biên, Vĩnh Trấn, Trấn Định, và Hà Tiên phải kê khảo đầy đủ về sự tích, cương vực và thổ sản trong địa hạt, cùng với đường sá xa gần, núi sông chỗ nào bình thường, chỗ nào hiểm yếu, vẽ thành bản đồ, chép thành biên bản, ghi chú rõ ràng để làm thành trình lục. Giai đoạn này đất Tây Ninh cơ bản vẫn là vùng biên cương chưa có dân tụ cư nhiều. Sách *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* do Lê Quang Định soạn xong và dâng lên nhà vua vào năm 1806 ghi

chép về cương giới của thành Gia Định như sau: "Phía đông tiếp giáp với biển lớn, tây cách Xiêm La, nam giáp Cao Miên, bắc giáp Bình Thuận. Là trấn lớn của phương Nam, nơi khống ngự với Xiêm La và Cao Miên. Trấn thành đóng tại địa phận dinh Tân Bình thuộc Phiên Trấn, đường đến kinh đô theo hướng bắc là 56.507 tầm, thành ra hơn 2.344 dặm rưỡi. Quản lãnh 5 trấn là Trấn Biên, Phiên Trấn, Trấn Định, Vĩnh Trấn và Hà Tiên; 7 đạo là Mô Xoài, Đông Khẩu, Long Xuyên, Kiên Giang, Trấn Di, Côn Lôn và Phú Quốc" (25). Cũng trong sách này, tác giả ghi cương giới của dinh Phiên Trấn như sau: "Phía đông giáp biển lớn, tây đến nguồn núi Quang Hóa, nam giáp Trấn Định, bắc liền với Trấn Biên. Là nơi ruộng đồng bao la, thuyền xe tấp nập, trấn thành đóng tại địa phận tổng Bình Dương, lệ thuộc thành Gia Định, quản lãnh 1 huyện 4 tổng. Huyện Tân Bình gồm các tổng Bình Dương, Tân Long, Phước Lộc và Bình Thuận; thống quản 3 đạo đầu nguồn là Quang Hóa, Thuận Thành và Quang Uy cùng 2 đồn cửa biển là Đồng Tranh và Lôi Lạ (Soi Rạp)" (26).

Theo Trịnh Hoài Đức thì vào năm 1808, khu vực 2 đạo Quang Hóa và Quang Phong nằm trong 2 tổng Dương Hòa và Bình cách của trấn Phiên An (địa bản chủ yếu của Tây Ninh sau này). Trấn Phiên An: "phía bắc giáp với trấn Biên Hòa, phía trên từ sông Đức Giang (tục gọi là sông Thủ Đức) đến Bình Giang (thuộc huyện Bình Dương, tục gọi là sông Bến Nghé) chuyển rẽ xuống ngã ba cửa Phù Gia (tục gọi là ngã ba sông Nhà Bè) rồi đổ thẳng ra cửa biển Cần Giờ, bờ nam của sông là địa giới trấn Phiên An. Phía nam giáp trấn Định Tường, trên từ Quang Hóa, Quang Phong, về phía tây đến Vàm Dừa, Rạch Cỏ, đến sông Bát Chiên, chuyển xuống đông đến Vũng Gò, qua Trà Giang rồi ra cửa biển Lôi Lạ (Soi Rạp)" (27). Tổng Dương Hòa thuộc huyện Bình

Dương, phủ Tân Bình có một phần đất “chạy vòng theo núi Bà Đỉnh (Đen) qua chằm phá tiếp với miền man núi” (28) (nay thuộc địa phận Thị xã Tây Ninh). Tổng Dương Hòa có tới 74 thôn phường ấp, nhưng trên vùng đất Tây Ninh chỉ có một thôn là thôn Tân Thuận (sau đổi thành Đôn Thuận). Còn tổng Bình cách thuộc huyện Thuận An, phủ Tân Bình có 33 thôn phường trong đó trên vùng đất thuộc Tây Ninh ngày nay có 4 thôn là Bình Tịnh, Thanh Phước, Thạnh Đức, Cẩm Giang Tây (thuộc địa phận 2 huyện Trảng Bàng và Gò Dầu ngày nay). Năm Gia Long thứ 7 (1809) đổi phủ Gia Định làm thành Gia Định, địa giới như cũ. Năm 1832, sau khi Tổng trấn Lê Văn Duyệt mất, vua Minh Mệnh đã bãi chức Tổng trấn Gia Định thành, đổi 5 trấn thành lục tỉnh gồm: Phiên An, Biên Hòa, Định Tường, An Giang, Vĩnh Long, Hà Tiên. Lại đặt các chức: Tổng đốc, Tuần phủ, Án sát, Bố chính, Lãnh binh như các tỉnh ngoài bắc. “Năm Minh Mệnh thứ 15 (1834) mệnh danh là Nam Kỳ (gọi chung cả 6 tỉnh) (29). Lãnh thổ Tây Ninh thuộc về tỉnh Phiên An.

Năm Minh Mệnh thứ 17 (1836), triều đình nhà Nguyễn lập một đoàn kinh lược sứ đi thanh tra đo đạc đất đai ở các tỉnh Nam Bộ. Đoàn gồm những vị trọng thần của triều đình như: Binh bộ thượng thư cơ mật đại thần Trương Đăng Quế và Lại bộ thượng thư Trần Kim Bảng sung làm Kinh lược Đại sứ (sau đó Trần Kim Bảng bị bệnh và Trấn tây Đại tướng quân là Trương Minh Giảng thay thế). Ngoài ra còn có Thư Lễ bộ Hữu thị lang Tôn Thất Bạch và Thư thông Chính sứ Nguyễn Đắc Trí sung làm Phó sứ. Trong phần chép về tỉnh Gia Định, sách *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5 cho biết quy mô lãnh thổ của phủ Tây Ninh vào năm 1836 như sau: “Nguyên trước là đạo Quang Phong, năm Minh Mệnh thứ 19 mới đặt tên phủ hiện nay, kiêm lý huyện Tây Ninh và thống hạt huyện Quang Hóa.

Lãnh 2 huyện, 7 xã tổng, 56 xã thôn... Huyện Quang Hóa,... hồi đầu bản triều đặt đạo Quang Phong ở địa phận thôn Cẩm Giang, năm Minh Mệnh thứ 5 đắp bảo gọi là bảo Quang Hóa, năm Minh Mệnh thứ 17 bỏ đạo, đặt tên huyện hiện nay, thuộc phủ Tây Ninh thống hạt, lãnh 4 tổng, 32 xã và thôn” (30). Quốc sử quán triều Nguyễn phản ánh thêm về sự kiện này, qua đó cho biết quy mô vùng đất Tây Ninh vào năm 1837 trong sách *Đại Nam thực lục chính biên* như sau: “Một dải địa phương thành Quang Hóa, tỉnh Gia Định, giáp với các phủ Tuy Lạp, Tầm Đôn, Kha Lâm và Bà Nam thuộc thành Trấn Tây, địa thế rất xung yếu. Năm trước đặt đạo Quang Hóa và các thủ sở Thuận Thành, Quang Phong, Quang Phục, Quang Uy, Kiên Uy coi giữ.... Bọn Giảng bèn dâng sớ xin đặt sở lý ở đó, rồi tùy địa thế liên lạc nên chia đặt hai huyện lệ thuộc vào” (31). Kết quả của cuộc “đại kinh lý” này được dâng tâu với vua, Minh Mệnh lúc này đã quyết định: “Đặt đồn Xỉ Khê làm huyện Tân Ninh; đạo Quang Hóa làm huyện Quang Hóa, gọi thành Quang Hóa là huyện thành. Lại đặt phủ Tây Ninh kiêm lý huyện Tân Ninh. Đồn sông Đục là sông Thanh Lưu, đặt đồn, bảo Thanh Lưu cho lệ thuộc vào huyện Tân Ninh,... lấy 2 tổng 25 xã dân Phiên cùng với 6 xã, thôn dân Kinh ở hai huyện Thuận An, Bình Dương tiếp cận huyện Tân Ninh, chia làm hai tổng, cho lệ thuộc vào huyện Tân Ninh. Lấy 30 xã dân Phiên cùng với 8 thôn dân Kinh ở huyện Thuận An giáp gần đạo Quang Hóa, chia làm hai tổng, cho lệ thuộc vào huyện Quang Hóa” (32).

Sách *Đại Nam thực lục chính biên* còn ghi rõ: “Phủ Tây Ninh ở phía Tây tỉnh thành (Gia Định) 147 dặm (33), đông tây cách nhau 130 dặm, nam bắc cách nhau 95 dặm, từ phủ qua phía đông đến giới hạn huyện Bình Long, phủ Tân Bình 66 dặm, phía tây đến Man Cảnh liền theo dưới hạn

huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường 37 dặm, phía nam đến giới hạn huyện Bình Dương, huyện Cửu An 77 dặm, phía bắc vượt qua núi Chêng (hay Chiêng) giáp Man Cảnh 18 dặm, nguyên trước là đạo Quang Phong, năm thứ 18 (1838) mới đặt tên lại tên phủ này kiêm lý huyện Tân Ninh, tổng hạt Quang Hóa, lãnh 2 huyện, 7 tổng, 56 xã” (34). Theo *Đại Nam nhất thống chí* thì địa giới huyện Tân Ninh như sau: “Đông Tây cách nhau 103 dặm, nam bắc cách nhau 42 dặm, từ huyện lỵ qua phía Đông đến giới hạn huyện Bình Long 66 dặm, phía Tây đến Man Cảnh giáp giới hạn huyện Kiến Hưng tỉnh Định Tường 37 dặm, phía nam đến giới hạn huyện Quang Hóa, huyện Bình Long 24 dặm, phía bắc vượt qua núi Chinh giáp Manh Cảnh 18 dặm. Bản triều khi đầu trung hưng đặt đạo Quang Phong ở cửa sông Xi Khê, Minh Mệnh thứ 17 cải huyện này thuộc phủ Tây Ninh kiêm lý 2 tổng (theo *Phương Đình dư địa chí* của Nguyễn Siêu, trang 167 ghi là 3 tổng. Có lẽ 3 tổng thì đúng hơn vì cả phủ 7 tổng mà Quang Hóa chỉ có 4 tổng, vậy Tân Ninh phải là 3 tổng), 24 xã thôn” (35). Dựa theo ranh giới của huyện Tân Ninh được mô tả như trên thì huyện Tân Ninh bao gồm khu vực phía Bắc và Tây Bắc của Tây Ninh ngày nay bao gồm địa phận của Thị xã Tây Ninh, huyện Châu Thành, một phần huyện Long Thành và một phần huyện Dương Minh Châu ngày nay. Còn Huyện Quang Hóa: “ở phía tây bắc phủ thành Tây Ninh 29 dặm, đông tây cách nhau 84 dặm nam bắc cách nhau 70 dặm từ huyện lỵ qua đông đến huyện Tân Ninh 55 dặm phía tây đến giới hạn huyện Kiến Hưng tỉnh Định Tường 29 dặm phía nam đến giới hạn huyện Tân Ninh 37 dặm phía bắc đến giới hạn huyện Tân Ninh 33 dặm. Khi đầu bản triều đặt đạo Quang Phong ở địa phận thôn Cẩm Giang, năm Minh Mệnh thứ năm (1824) đắp bảo gọi là Quang

Hóa, năm thứ 17 (1836) giảm bỏ đạo đặt tên huyện này, thuộc phủ Tây Ninh lãnh 4 tổng 32 xã thôn” (36). Đối chiếu với địa phận của Tây Ninh ngày nay thì huyện Quang Hóa nằm ở phía Nam, tương ứng với địa phận của huyện Trảng Bàng, huyện Gò Dầu, huyện Bến Cầu và một phần huyện Long Thành ngày nay. Như vậy, địa giới hành chính của Tây Ninh khi ấy cơ bản gần như đã bao trùm vùng đất của tỉnh Tây Ninh ngày nay.

Dưới thời Pháp thuộc, ngày 1 tháng 1 năm 1900, Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer cho áp dụng nghị định ký ngày 20 tháng 12 năm 1899 đổi các khu tham biện (inspections) là tỉnh (province), chia đặt Nam Kỳ làm 20 tỉnh, Tây Ninh chính thức được tách ra làm một tỉnh độc lập có diện tích không thay đổi nhiều so với địa giới năm 1838.

3. Kết luận

Để phục dựng bức tranh của vùng đất Tây Ninh trong buổi đầu khai phá, xác lập địa giới hành chính quả thật không dễ dàng, bởi tư liệu ghi chép rất ít. Tuy nhiên trên cơ sở đối chiếu những tư liệu gốc của Lê Quý Đôn, cũng như các bộ sử nhà Nguyễn và các công trình sử học hiện đại chép về Tây Ninh, các tác giả cho rằng:

Tên gọi “Tây Ninh” lần đầu tiên ra đời vào năm 1836, thể hiện khát vọng của vua Minh Mệnh về một vùng đất biên viễn phía Tây yên bình mãi mãi. Điều này về cơ bản tương đồng với cách đặt tên ở nhiều địa phương khác dưới thời chúa Nguyễn và vua Nguyễn.

Về quá trình biến đổi của địa giới hành chính Tây Ninh, trong buổi đầu khai phá, vùng đất Tây Ninh bao gồm hai đạo: Quang Hóa và Quang Phong, ước chừng 1.000 lưu dân người Việt sinh sống. Với nhiều chính sách thu hút dân cư của chính quyền Đàng Trong, đến cuối thế kỷ XVIII, trên đất Tây Ninh đã hình thành những thôn làng phân bố theo dọc các

triển sông, gấn các thủ sở, dồn biên phòng. Sang đầu thế kỷ XIX, địa giới hành chính của Tây Ninh không ngừng được mở rộng. Năm 1836, sau khi đàn áp xong cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi, vua Minh Mệnh cử đoàn Kinh lược sứ do 2 viên quan đại thần: Trương Minh Giảng và Trương Đăng Quế dẫn đầu vào Nam để đo đạc lại đất đai và lập sổ địa bạ của cả vùng Nam Bộ. Đối với Tây Ninh, sau khi đi thực địa lên vùng Quang Hóa, Quang Phong nhận thấy

vực có vị trí chiến lược quan trọng và đã phát triển tương đối nhộn nhịp, Trương Minh Giảng và Trương Đăng Quế đã dâng sớ về triều đề nghị thành lập phủ huyện nơi đây. Kết quả của cuộc “đại kinh lý” kể trên là triều đình đã quyết định cho lập phủ Tây Ninh, một trong 4 phủ của Gia Định tỉnh thành. Đến ngày 1-1-1900, nghị quyết về chia tách địa giới hành chính của chính quyền thuộc địa có hiệu lực, Tây Ninh trở thành 1 tỉnh (province) độc lập (trong 20 tỉnh của Nam Kỳ).

CHÚ THÍCH

(1). Ban tổng kết chiến tranh Tỉnh ủy Tây Ninh (1986), *Lược sử Tây Ninh*, Nhà in báo Tây Ninh, Thị xã Tây Ninh, tr. 11.

(2). Hội khoa học lịch sử Việt Nam, *Tạp chí Xưa và Nay*, số VII/2001

(3). Phan Xuân Biên, *Miền Đông Nam Bộ con người và văn hóa*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh, 2004, tr. 174.

(4). Ủy ban nhân dân Tỉnh Tây Ninh, *Lược sử Tây Ninh*, Nhà in Hoàng Lệ Kha, Tây Ninh, 1998, tr. 11.

(5). Ban tuyên giáo Tỉnh ủy Tây Ninh, *Tây Ninh 30 năm trung dũng kiên cường*, Nhà in báo Tây Ninh, Thị xã Tây Ninh, 1990, tr. 13.

(6). Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh, *Địa chí tỉnh Tây Ninh*, Nhà in Hoàng Lệ Kha, Tây Ninh, 2006, tr. 131.

(7). Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Lê Xuân Giáo dịch, Ủy ban dịch thuật Nhà Văn hóa Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn, 1973, tr. 196-320.

(8). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - chính biên*, tập 2, Nguyễn Ngọc Tĩnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 393.

(9). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - chính biên*, tập 3, Nguyễn Ngọc Tĩnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 402.

(10), (11), (12), (16), (17), (31), (32), (34). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - chính biên*, tập 4, Nguyễn Ngọc Tĩnh dịch, Đào Duy

Anh hiệu đính, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 37, 207, 988, 32, 989-990, 989, 989-990, 988.

(13), (14). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb. Nhà văn hóa Bộ Quốc Gia giáo dục, Sài Gòn, 1959, tr. 53, 49.

(15), (18), (19), (20). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5, Phạm Trọng Diễm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2006, tr. 240 - 241.

(21). Ngũ Quảng gồm: Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức (Thừa Thiên - Huế), Quảng Nam, Quảng Ngãi.

(22). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tiền biên*, tập 1, Nguyễn Ngọc Tĩnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.111.

(23). Huỳnh Minh, *Tây Ninh xưa và nay*, Nxb. Sài Gòn, Sài Gòn, 1972, tr.15.

(24). Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí* (Lý Việt Dũng dịch và chú giải), Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, Biên Hòa, 2006, tr. 109.

(25), (26). Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Phan Đăng dịch, chú giải và giới thiệu, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2003, tr. 290, 291.

(27). Trịnh Hoài Đức, *Gia định thành thông chí*, Nxb. Văn hóa, Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, Sài Gòn, 1972, tr.20.

(28), (29), (30), (35), (36). Xem thêm: Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5, Phạm Trọng Diễm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2006, tr. 234, 240, 240-241, 240, 240-241.

(33). 1 dặm = 720m.